

DIỄN XƯỞNG NGHI LỄ TÂM LINH VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH: TRƯỜNG HỢP HẦU ĐỒNG VÀ KAGURA

TRỊNH LÊ ANH*
ỨNG NGUYỄN THẢO HÀNG**

Nghi lễ Hầu đồng và nghi lễ (múa) Kagura đều là những di sản văn hóa độc đáo, lưu giữ giá trị tâm linh và bản sắc dân tộc của Việt Nam và Nhật Bản. Qua phân tích, sự kết hợp giữa diễn xuất các nghi lễ tâm linh này với phát triển du lịch, trong đó, phương pháp tiếp cận đa chiều được sử dụng trong phân tích đối sánh hai trường hợp cụ thể nghi lễ hầu đồng và nghi lễ Kagura, bài viết chỉ ra mối quan hệ giữa việc biểu diễn nghi lễ tâm linh và phát triển du lịch tại địa phương Nhật Bản mà Việt Nam có thể tham khảo.

Từ khóa: nghi lễ Hầu đồng, Nghi lễ (múa) Kagura, diễn xướng nghi lễ tâm linh; phát triển du lịch

Nhận bài ngày: 10/9/2024; *đưa vào biên tập:* 12/9/2024; *phản biện:* 12/10/2024; *duyet đăng:* 05/11/2024

1. DẪN NHẬP

Du lịch văn hóa tâm linh đang ngày càng trở thành một động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tại nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam và Nhật Bản. Tại Nhật Bản, Kagura - một nghi lễ truyền thống trong đạo Shinto - không chỉ là một phần của đời sống tín ngưỡng mà còn trở thành một sản phẩm du lịch văn hóa đặc sắc. Các buổi biểu diễn Kagura trong các lễ hội địa phương đã thu hút không chỉ người dân bản địa mà còn cả du khách quốc tế, đóng góp vào việc phát triển du lịch cộng đồng và bảo tồn các giá trị truyền thống. Tại Việt Nam, diễn xướng Hầu đồng là một phần quan trọng của di sản văn hóa phi vật thể đại diện của

nhân loại - “Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt”, được UNESCO công nhận năm 2016. “Danh hiệu” này góp phần không nhỏ vào việc thu hút du khách trong và ngoài nước, đặc biệt là những người quan tâm đến tín ngưỡng dân gian và văn hóa tâm linh. Các tour du lịch tâm linh kết hợp tham quan đền, phủ, nơi diễn ra các nghi lễ Hầu đồng đã tạo ra những trải nghiệm phong phú, từ đó thúc đẩy phát triển các dịch vụ du lịch liên quan như lưu trú, ẩm thực, và mua sắm các sản phẩm văn hóa đặc thù.

Nghiên cứu về mối quan hệ giữa diễn xướng tâm linh và du lịch là một lĩnh vực mới nổi nhưng thu hút nhiều sự chú ý trong những năm gần đây, đặc biệt, Việt Nam sở hữu di sản văn hóa tâm linh phong phú. Một số công trình

* ** Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

có thể kể như “Khai thác giá trị của thực hành Then trong phát triển du lịch từ kinh nghiệm một số loại hình diễn xướng dân” (Nguyễn, et al., 2020); “Nghệ thuật diễn xướng dân gian trong phát triển du lịch cộng đồng: một nghiên cứu xuyên ngành tại tháp bà Ponagar - Nha Trang” (Nguyễn, 2021);... Tuy nhiên, có thể thấy rằng nghiên cứu so sánh hai loại hình diễn xướng tâm linh Hầu đồng và Kagura trong mối quan hệ với phát triển du lịch vẫn còn khá hạn chế. Đây là một hướng nghiên cứu tiềm năng để góp phần làm rõ những vấn đề lý thuyết và thực tiễn liên quan.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Khái lược về “diễn xướng nghi lễ tâm linh”

“Diễn xướng nghi lễ tâm linh” là một khái niệm phức hợp, kết hợp giữa yếu tố nghệ thuật và nghi lễ. Mặc dù các yếu tố này đã được nghiên cứu sâu rộng trong các lĩnh vực nhân học, tôn giáo học và văn hóa học, hiện chưa có một thuật ngữ học thuật riêng biệt nào được công nhận rộng rãi mô tả chính xác “diễn xướng nghi lễ tâm linh”.

Nhiều tài liệu học thuật sử dụng các thuật ngữ như “ritual performance” hoặc “religious performance” để mô tả các hình thức biểu diễn nghi lễ tôn giáo hoặc tâm linh. Schechner, Richard trong *Performance Studies: An Introduction*; Routledge (2002) đã tiên phong nghiên cứu về lý thuyết “performance” trong bối cảnh văn hóa và tôn giáo. Ông khám phá cách nghi

lễ và biểu diễn mang ý nghĩa cộng đồng và vai trò văn hóa quan trọng.

Turner, Victor trong *From Ritual to Theatre: The Human Seriousness of Play*; PAJ Publications (1982) sử dụng thuật ngữ “ritual performance” để phân tích cách các nghi lễ được diễn xướng và đóng vai trò như một “ngưỡng” văn hóa, nơi mọi người tạm thời vượt ra khỏi các cấu trúc xã hội thường ngày để trải nghiệm sự thiêng liêng.

Trong *Ritual: Perspectives and Dimensions* (1997) Catherine Bell không chỉ phân tích nghi lễ mà còn nhấn mạnh tính chất “performance” của các hành động tôn giáo, giải thích cách chúng truyền tải và củng cố ý nghĩa thiêng liêng trong cộng đồng. Ronald L. Grimes trong *The Craft of Ritual Studies* (2014) bàn về “ritual performance” trong bối cảnh nghi lễ được diễn ra như một quá trình nghệ thuật có quy tắc và mang tính biểu tượng. Ông khám phá cả khía cạnh tôn giáo và phi tôn giáo của nghi lễ. William O. Beeman trong *The Anthropology of Theater and Spectacle* (1993) tập trung vào các nghi lễ và diễn xướng tôn giáo như một hình thức biểu diễn văn hóa và thảo luận cách mà “ritual performance” và “religious performance” giúp các cộng đồng duy trì bản sắc và truyền thống văn hóa.

Trong ngữ cảnh văn hóa Việt Nam và một số quốc gia Á Đông, “diễn xướng” (trình diễn, thể hiện bằng nghệ thuật) kết hợp với nghi lễ tâm linh thường

thấy trong các hoạt động như Hài đồng (Việt Nam), Kagura (Nhật Bản) và các hình thức nghi lễ khác.

Lương Ngọc Tâm (2017) cho rằng diễn xướng là tổng thể các phương thức nghệ thuật, cùng thể hiện đồng nhất giữa ca hát và hành động của con người theo chiều thẩm mỹ. Như thế, diễn xướng nghi lễ tâm linh không chỉ là một biểu hiện của tín ngưỡng mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và phát triển bản sắc văn hóa. Diễn xướng này kết hợp giữa yếu tố nghi lễ và các hình thức biểu diễn nghệ thuật như ca hát, múa, và kể chuyện.

Dựa trên các nghiên cứu và phân tích các khái niệm liên quan, có thể hiểu “diễn xướng nghi lễ tâm linh” là sự kết hợp giữa các hoạt động diễn xuất nghệ thuật và các nghi thức tâm linh, nhằm truyền tải các giá trị tôn giáo, văn hóa và tín ngưỡng của một cộng đồng.

2.2. Lý thuyết nghiên cứu

Mối quan hệ giữa di sản văn hóa, đặc biệt là di sản văn hóa phi vật thể có yếu tố thiêng (tâm linh) với du lịch được sự quan tâm nghiên cứu của rất nhiều học giả. Các nghiên cứu của họ đã làm sáng tỏ mối quan hệ phức tạp giữa bảo tồn di sản văn hóa và phát triển du lịch.

Smith (2009) nhấn mạnh rằng di sản văn hóa phi vật thể đóng vai trò quan trọng trong việc định hình trải nghiệm du lịch văn hóa. Các nghi lễ và thực hành tâm linh không chỉ là biểu hiện

của truyền thống văn hóa mà còn là phương tiện để kết nối du khách với các giá trị tinh thần sâu sắc của cộng đồng bản địa. Smith cũng chỉ ra rằng, du lịch tâm linh thường được coi là cách thức để bảo tồn các nghi lễ này, nhưng cũng có nguy cơ làm biến dạng ý nghĩa ban đầu của chúng do áp lực thương mại hóa. Timothy và Boyd (2003) đề cập đến việc du lịch khai thác di sản văn hóa phi vật thể, đặc biệt là các nghi lễ có tính chất tâm linh, như một cách để thúc đẩy phát triển du lịch bền vững. Họ cho rằng các di sản tâm linh không chỉ cung cấp nội dung phong phú cho trải nghiệm du lịch mà còn giúp duy trì các giá trị văn hóa của cộng đồng bản địa. Tuy nhiên, họ cũng cảnh báo rằng việc du lịch hóa các nghi lễ thiêng có thể dẫn đến sự mất đi của yếu tố linh thiêng và tạo ra xung đột văn hóa khi mục đích thiêng liêng bị thay thế bởi mục đích kinh tế. Graburn (2004) đưa ra luận điểm rằng các nghi lễ tâm linh, chẳng hạn như những nghi thức tôn giáo hay lễ hội truyền thống, có thể đóng vai trò là điểm đến hấp dẫn cho du khách tìm kiếm những trải nghiệm tâm linh hoặc văn hóa và hiểu sâu hơn về các giá trị tâm linh của một cộng đồng. Tuy nhiên, Graburn cũng cảnh báo rằng sự tham gia của “người ngoài cuộc” vào các nghi lễ thiêng liêng có thể làm biến đổi ý nghĩa tâm linh vốn có của chúng. “Người ngoài cuộc” bao gồm không chỉ du khách nước ngoài, mà còn cả du khách nội địa không thuộc cộng đồng tín ngưỡng, các nhà tổ

chức tour du lịch, và thậm chí cả các nhà nghiên cứu hoặc phóng viên đến tham quan và ghi chép. Sự hiện diện và tham gia của các chủ thể này có thể dẫn đến nguy cơ các nghi lễ trở nên mang tính phô diễn và bị thương mại hóa, từ đó làm suy giảm giá trị văn hóa và tâm linh nguyên bản của chúng. Richards (1996: 39) khám phá mối liên hệ giữa các lễ hội văn hóa và tôn giáo với du lịch và lập luận rằng các sự kiện nghi lễ tâm linh có thể được coi là sản phẩm du lịch độc đáo và khi được đưa vào chương trình du lịch, chúng giúp tạo ra một loại hình du lịch có chiều sâu văn hóa và tâm linh, đồng thời cũng đóng góp vào việc bảo tồn di sản. Tuy nhiên, ông cũng nhấn mạnh rằng việc phát triển du lịch cần phải cân nhắc kỹ lưỡng để không làm mất đi ý nghĩa và giá trị tâm linh vốn có của các nghi lễ này.

Nhìn chung, quan điểm học thuật liên quan tập trung vào hai nội dung chính: lợi ích và thách thức. Về lợi ích, di sản văn hóa phi vật thể có tính thiêng giúp tạo ra trải nghiệm du lịch độc đáo và thu hút du khách, đồng thời góp phần bảo tồn và quảng bá các giá trị văn hóa và tinh thần của cộng đồng. Về thách thức, các áp lực từ du lịch có nguy cơ thương mại hóa và biến dạng các nghi lễ thiêng, làm mất đi yếu tố tâm linh và giá trị văn hóa ban đầu. Các tác giả đều nhấn mạnh đến sự cân bằng giữa việc bảo tồn yếu tố linh thiêng và phát triển du lịch một cách bền vững.

3. DIỄN XƯỞNG KAGURA, NHẬT BẢN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Kagura, hay Kami-kura (âm Hán - Việt là “Thần Tọa”), có nghĩa là “chỗ ngồi của thần”, thể hiện sự hiện diện của thần linh trong buổi trình diễn hoặc qua trạng thái “nhập thần” của người biểu diễn. Kagura gồm múa và nhạc dâng lên các vị thần trong thần thoại Nhật Bản. Người biểu diễn mời gọi thần linh, cúng bái, và nhận lời tiên tri hoặc phúc lành. Theo *Cổ sự ký* (*Kojiki*) (712) và *Nhật Bản thư kỷ* (*Nihon Shoki*) (720), Kagura (điệu múa của nữ thần Ame no Uzume) được dùng để xoa dịu các vị thần và linh hồn người đã khuất.

Về nguồn gốc, Kagura gắn liền với nữ thần Mặt trời Amaterasu Omikami. Theo nghiên cứu của Irit Averbuch (1988) trong *Shamanic Dance in Japan: The Choreography of Possession in Kagura Performance*, sự biến mất của Kamigakari (sự nhập thần chính thống) đã dẫn đến sự phát triển của các hình thức mô phỏng qua biểu diễn. Kagura ngày nay bao gồm nhiều thể loại dân gian và đã lan rộng khắp Nhật Bản từ trước thế kỷ XV.

Theo tìm hiểu, hiện nay, Nhật Bản phát triển Kagura thành sản phẩm du lịch, với các buổi biểu diễn thường xuyên có thu phí tại nhiều địa điểm. Mỗi địa phương có nét riêng trong diễn xướng Kagura, phản ánh lịch sử và văn hóa đặc thù. Tại thành phố Akitakada, tỉnh Hiroshima, Kagura đã trở thành “tài nguyên du lịch” với các buổi diễn hằng ngày tại Kaguramonzen

Tojimura, kết hợp với tắm onsen và ẩm thực. Nhà hát Kagura ở đây, một trong những sân khấu lớn nhất Nhật Bản, có sức chứa 1.500 người với hệ thống âm thanh và ánh sáng hiện đại.

Tại đền Sanku (thành phố Hamada, tỉnh Shimane), Kagura diễn ra gần khán giả, tạo cảm giác chân thực, đặc biệt là các cảnh chiến đấu. Hằng năm, vào tháng 9, lễ hội Umi Kagura được tổ chức trên bãi biển Fukumitsu, ánh lửa lễ hội vào lúc mặt trời lặn đã tạo nên không gian huyền bí. Tham gia lễ hội, du khách còn có thể tự làm mặt nạ, mặc trang phục truyền thống và thử sức với các động tác Kagura trước hoặc sau khi thưởng thức các buổi biểu diễn (Liên đoàn Du lịch Tỉnh Shimane, tài liệu quảng bá du lịch địa phương, 2024).

Tại tỉnh Miyazaki, sự kiện "Takachiho No Yokagura" diễn ra từ tháng 11 đến tháng 2, với 33 tiết mục Kagura xuyên đêm để dâng lên thần linh đã được chỉ định là tài sản văn hóa dân gian phi vật thể quan trọng của quốc gia. Các buổi diễn bắt đầu từ 4 giờ chiều và kéo dài suốt đêm. Khu vực thác Manai còn được chiếu sáng bằng đèn LED hiện đại, tạo ra không gian kỳ ảo, thu hút nhiều du khách. Do nhu cầu cao, có một phiên bản tóm tắt mang tên Takachiho Kagura được biểu diễn hàng đêm lúc 8 giờ tối, kéo dài 1 tiếng tại đền thờ Takachiho. (Hiệp hội du lịch thị trấn Takachiho, tài liệu quảng bá du lịch địa phương, 2024).

Kagura còn được trình diễn tại nhiều lễ hội trên khắp Nhật Bản như lễ O-

bon, Setsubun và Tanabata. Ngày nay, Kagura xuất hiện cả trong anime, manga và phim ảnh, đưa loại hình nghệ thuật này lan tỏa ra quốc tế và đóng góp tích cực vào phát triển du lịch Nhật Bản.

Nghi lễ Kagura là một loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống của Nhật Bản, có lịch sử lâu đời, gắn liền với tín ngưỡng Thần đạo. Các tiết mục Kagura thường được trình diễn với những điệu múa uyển chuyển, những bộ trang phục lộng lẫy, những chiếc mặt nạ độc đáo, cùng với những câu chuyện thần thoại hấp dẫn có tiềm năng lớn cho sự phát triển du lịch của địa phương. Việc khai thác diễn xướng Kagura một cách có hiệu quả đã giúp Nhật Bản bảo tồn di sản văn hóa, thúc đẩy kinh tế địa phương và nâng cao hình ảnh quốc gia. Tỉnh Shimane, nơi nổi tiếng với Iwami Kagura, đã ghi nhận sự gia tăng 24,2% số lượng du khách tham dự các buổi biểu diễn Kagura và tăng 9,4% số lượng khách tham gia buổi diễn Kagura vào ban đêm trong năm 2017 so với năm 2016. Điều này cho thấy Kagura đang trở thành một yếu tố quan trọng trong việc thu hút du khách đến địa phương. Theo kết quả khảo sát của Ủy ban Xúc tiến văn hóa tỉnh Hiroshima (2019), mỗi năm có khoảng 30.000 người đến thăm Làng Kagura Monzen Toji để thưởng thức Kagura. Con số này chứng tỏ Kagura có khả năng tạo ra các điểm du lịch mới và thu hút một lượng lớn du khách.

“Diễn xướng Kagura ở thị trấn Takachiho không chỉ là một tài nguyên du lịch mà còn là cơ hội tốt cho những người đến tham quan thành phố có thể tìm hiểu về văn hóa truyền thống địa phương” (Yamamoto, 2015). Trong những năm gần đây, Kagura có vai trò cốt lõi trong quá trình hồi sinh khu vực và là tài nguyên du lịch đại diện cho vùng Chugoku (Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng, Giao thông và Du lịch, Cục Vận tải vùng Chugoku, 2020). Điều đó cho thấy, Kagura không chỉ là một hình thức nghệ thuật truyền thống hay một sản phẩm du lịch đơn thuần, mà còn có khả năng tác động tích cực đến nhiều khía cạnh của đời sống kinh tế - xã hội tại các địa phương ở Nhật Bản.

Mặc dù có tiềm năng lớn, việc phát triển du lịch dựa trên diễn xướng Kagura cũng gặp một số thách thức. Một số người lo ngại khi được khai thác như một tài nguyên du lịch, bản chất văn hóa của Kagura có thể bị mất đi. Bàn luận về vấn đề này, ông Yamamoto cho rằng khi diễn xướng Kagura trở thành một tài nguyên du lịch sẽ mang lại sức sống mới cho khu vực (Yamamoto, 2015). Bằng cách thu hút du khách, Kagura không chỉ được giới thiệu rộng rãi hơn mà còn tạo ra động lực để cộng đồng địa phương, đặc biệt là thế hệ trẻ tiếp tục gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa độc đáo này. Tiêu biểu nhất là trường hợp tỉnh Miyazaki, Hinokage - một thị trấn nhỏ có điều kiện địa lý khá khắc nghiệt. Tại đây, diễn xướng

Kagura, đặc biệt là lễ hội Hanya Kagura được tổ chức mỗi năm một lần, nó không chỉ là một hình thức nghệ thuật truyền thống mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc gắn kết cộng đồng, phát triển kinh tế, du lịch, giúp người dân vượt qua những khó khăn của thiên nhiên. Theo Ủy ban Xúc tiến văn hóa tỉnh Hiroshima, hiện tại, việc lưu giữ Kagura và đào tạo những người kế thừa diễn xướng Kagura là vô cùng khó khăn do số lượng trẻ em ngày càng giảm và những thay đổi về quan niệm cũng như lối sống. Nhật Bản đã phát triển việc dạy Kagura cho trẻ em ngay từ nhỏ, chẳng hạn như tăng cơ hội kết hợp việc học và trải nghiệm Kagura như một phần của giáo dục ở các địa phương. Ngoài ra, trang phục và nhạc cụ tiêu tốn một khoản kinh phí đáng kể, tuy nhiên, ngoại trừ một số ở thành phố lớn, các đoàn Kagura chỉ nhận được sự hỗ trợ gián tiếp từ các công ty tư nhân và chưa có hỗ trợ tài chính từ chính phủ.

4. DIỄN XƯỞNG HẦU ĐỒNG, VIỆT NAM VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Về phương diện tâm linh, Hầu đồng là một nghi lễ được bắt nguồn và hình thành từ tín ngưỡng thờ Mẫu, là một nghi thức tôn thờ nữ thần của người Việt. Lâu nay, trong giới nghiên cứu tín ngưỡng thờ Mẫu hay đạo Mẫu vẫn phổ biến quan niệm cho rằng loại hình tín ngưỡng này có nguồn cội sâu xa từ “tục thờ mẹ” của cư dân nông nghiệp lúa nước, được “lên khuôn” từ thế kỷ XV và định hình từ thế kỷ XVI

(Ngô Đức Thịnh, 2010). Hầu đồng là nghi lễ chính trong tín ngưỡng thờ Mẫu, là nghi lễ nhập hồn của các vị thánh Tứ phủ vào thân xác các ông đồng/bà đồng, là sự tái hiện lại hình ảnh các vị thánh nhằm phán truyền, chữa bệnh, ban phúc lộc cho tín đồ Đạo Mẫu (Ngô Đức Thịnh, 2013).

Nghi lễ Hầu đồng ở Việt Nam diễn ra tại các địa phương có truyền thống thờ Mẫu (Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Thanh Hóa...). Trong đó, nổi bật là ở Phủ Dầy - Nam Định là nơi thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh (vị thần chính trong tín ngưỡng thờ Mẫu). Hội Phủ Dầy thu hút hàng nghìn người tham gia (người thực hành Hầu đồng và du khách).

Hầu đồng là một bức tranh sinh động về tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt, phản ánh sâu sắc những quan niệm về vũ trụ, con người và xã hội. Nghi lễ này mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, thu hút du khách muốn khám phá và trải nghiệm những nét đẹp truyền thống.

Diễn xướng nghi lễ Hầu đồng tại Nam Định, đặc biệt vào ba tháng đầu năm, gắn liền với các lễ hội quan trọng như lễ hội tín ngưỡng thờ Thần làng (Thành hoàng làng), lễ hội thờ Đức Thánh Cha - Đức Thánh Trần và lễ hội thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh. Nổi bật trong số đó là hai lễ hội lớn: Lễ hội Phủ Dầy vào tháng 3 và lễ hội Đức Thánh Trần vào tháng 8 hàng năm. Tuy nhiên, tại các di tích như Phủ Tiên Hương, Phủ Vân Cát (thuộc huyện Vụ Bản), nghi lễ Hầu đồng được tổ chức

suốt cả năm. Mỗi ngày có thể diễn ra từ 3 đến 4 phiên/ván hầu đồng, có khi kéo dài cả ngày lẫn đêm. Tùy thuộc vào mục đích nghi lễ, yếu tố tâm linh và yêu cầu của gia chủ, một số buổi hầu đồng không mở cửa cho du khách tham quan và trải nghiệm.

Theo thống kê của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Nam Định, trong năm 2022, tổng lượng khách du lịch đến các điểm du lịch văn hóa, tâm linh tỉnh Nam Định đạt khoảng 1.036.000 lượt người, tăng gần 120% so với cùng kỳ năm 2021. Riêng trong quý I/2023 năm 2023, lượng khách tại các tỉnh, thành phố lân cận đến với các điểm tâm linh như: Quần thể di tích lịch sử, văn hóa Phủ Dầy (huyện Vụ Bản), khu di tích đền Trần (thành phố Nam Định) để tham quan, chiêm bái và cầu may mắn, bình an tăng đột biến. Gần đây nhất, trải nghiệm văn hóa “Tín ngưỡng thờ Mẫu: Tâm - Đẹp - Vui” với không gian trưng bày và phần diễn xướng Hầu đồng diễn vào tối thứ sáu, thứ bảy hàng tuần bắt đầu từ ngày 14/6 tại Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam, đã thu hút nhiều sự quan tâm của du khách.

Bên cạnh đó, diễn xướng nghi lễ Hầu đồng đã bước đầu được thể hiện trên các sân khấu. Theo Trần Hải Minh (2018), diễn xướng nghi lễ lên đồng đã thu hút được một lượng lớn người tham dự, khiến cho chiều hướng “sân khấu hóa” diễn xướng nghi lễ lên đồng trở nên sôi động và đang trở thành hình thức sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của dân đô thị. Nội dung các

giá hầu không thay đổi đáng kể, nhưng hình thức trình diễn đã được điều chỉnh, giảm bớt yếu tố tín ngưỡng và tăng cường yếu tố nghệ thuật thông qua âm nhạc, ca từ, phục trang, đạo cụ và hình thức diễn xuất. Ở các buổi diễn, sân khấu Hầu đồng tạo ra không gian giao lưu văn hóa đa chiều, giúp khán giả tiếp cận dễ dàng hơn về đẹp của văn hóa truyền thống. Tuy nhiên, các buổi diễn thường được thực hiện tại Nhà hát Chèo Nam Định, chưa có sân khấu riêng cho Hầu đồng. Việc chia sẻ sân khấu với các loại hình nghệ thuật khác có thể ảnh hưởng đến không gian biểu diễn. Vì thế, các buổi diễn không được thường xuyên, chỉ tập trung vào các dịp lễ hội và sự kiện văn hóa. Điều này gây khó khăn cho du khách trong việc lên kế hoạch tham quan và trải nghiệm. Ngoài ra, khu vực trưng bày, lưu trữ và triển lãm các sản phẩm liên quan đến diễn xướng Hầu đồng chưa được đầu tư đúng mức. Du khách, đặc biệt là du khách quốc tế, thường e ngại và cảm thấy mơ hồ khi được giới thiệu về hình thức diễn xướng này do thiếu thông tin đầy đủ và chi tiết. Bên cạnh đó, do nhận thức chưa đầy đủ sự khác biệt giữa thực hành tín ngưỡng và diễn xướng phục vụ nhu cầu văn hóa - du lịch nên hoạt động “sân khấu hóa” diễn xướng Hầu đồng cũng nhận nhiều ý kiến phản biện và chưa đồng tình.

Dù được đầu tư tổ chức, hoạt động này vẫn chưa tạo được tiếng vang rộng rãi trong cộng đồng và thu hút

đông đảo du khách như mong đợi. Nguyên nhân chính có thể là do công tác quảng bá chưa thực sự hiệu quả, khiến nhiều người chưa biết đến. Bên cạnh đó, đây vẫn là một chương trình biểu diễn đơn thuần chưa được khai thác một cách đa dạng, chuyên nghiệp và chưa kết hợp được với các tài nguyên du lịch khác để tạo ra những sản phẩm du lịch hấp dẫn và độc đáo.

Hiện nay, sản phẩm du lịch gắn với diễn xướng nghi lễ Hầu đồng ở tỉnh Nam Định nói riêng, Việt Nam nói chung mới chỉ dừng ở việc tổ chức hành hương, chiêm bái, tham quan điểm đến gắn với yếu tố tâm linh mà chưa tạo được những trải nghiệm, thiếu hấp dẫn và điểm nhấn riêng. Sản phẩm du lịch còn nghèo nàn, đơn điệu (chỉ có tham quan, dâng hương, chụp ảnh và mua đồ lưu niệm,... các hoạt động hầu hết chỉ mang tính thăm quan, chưa có sự trải nghiệm sâu), phần lớn khai thác ở dạng tự nhiên, chưa được đầu tư nâng cấp chất lượng đồng bộ và hoàn chỉnh để tăng sức hấp dẫn, thu hút du khách. Bên cạnh đó, nghi lễ Hầu đồng cổ truyền đang bị mai một, có nguy cơ bị biến tướng, xuyên tạc do bị thương mại hóa. Theo Sở văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Nam Định, tình trạng thương mại hóa các nghi lễ, lễ hội vẫn xuất hiện ở một số nơi; chất lượng tổ chức nghi lễ, lễ hội ở một số địa phương chưa cao, chưa thực hiện đúng với nguyên tắc tổ chức truyền thống... Tình trạng buôn thần bán thánh không

những ảnh hưởng đến hoạt động du lịch mà còn làm suy giảm những giá trị tinh thần cao quý của dân tộc. Thách thức đặt ra là làm sao vừa giữ gìn, bảo tồn nghi lễ, tín ngưỡng này mà vẫn có thể phát triển diễn xướng Hàu đồng thành một tài nguyên du lịch độc đáo, sáng tạo.

5. ĐỐI SÁNH THÔNG QUA TIẾP CẬN VỀ VAI TRÒ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Để tìm hiểu tính bền vững trong sự kết hợp giữa diễn xướng nghi lễ tâm linh Hàu đồng ở Việt Nam và Kaguru ở Nhật với phát triển du lịch, nghiên cứu đánh giá đối sánh vai trò của các bên liên quan bao gồm: chính quyền địa phương, người dân, doanh nghiệp du lịch và báo chí truyền thông.

- *Chính quyền địa phương*

Nhằm đảm bảo việc phát triển sản phẩm du lịch gắn với Diễn xướng Kagura không gây áp lực lên văn hóa địa phương, mà ngược lại, giúp duy trì và tôn vinh giá trị di sản, các chính quyền địa phương ở Nhật không chỉ dừng lại ở việc xây dựng cơ sở hạ tầng hay tổ chức các lớp đào tạo mà còn thường xuyên đánh giá, điều chỉnh các chính sách phát triển du lịch phù hợp với từng giai đoạn. Ví dụ, tại tỉnh Hiroshima, chính quyền đã khuyến khích việc kết hợp diễn xướng Kagura với các trải nghiệm khác như tham quan đền thờ, thưởng thức ẩm thực địa phương, tạo ra chuỗi giá trị văn hóa đa dạng để hấp dẫn du khách. Không chỉ có vậy, chính quyền tỉnh Hiroshima đã đề ra dự án tăng cường

thu hút khách du lịch cá nhân bằng cách cung cấp dịch vụ giảm giá cho xe buýt tốc hành từ tỉnh Hiroshima đến các khu vực có biểu diễn Kagura tại tỉnh Shinane (Liên đoàn Du lịch tỉnh Shimane, 2020).

Ở Việt Nam, chính quyền địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc hoạch định chính sách, quản lý và bảo tồn di sản. Trong những năm gần đây, Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định đã đầu tư đáng kể vào việc xây dựng thương hiệu du lịch của tỉnh, đặc biệt là du lịch gắn liền với diễn xướng nghi lễ Hàu đồng. Cơ sở hạ tầng tại các điểm du lịch đã được cải thiện, các di tích lịch sử - văn hóa đang được tu bổ và bảo tồn. Năm 2019, tại Khu di tích lịch sử - văn hóa đặc biệt Đền Trần - Chùa Tháp, phường Lộc Vượng (Thành phố Nam Định), dự án đầu tư xây dựng khu trung tâm lễ hội thuộc Khu di tích lịch sử - văn hóa thời Trần được khởi công. Dự án được đầu tư xây dựng trên tổng diện tích đất 92,5ha. Ngoài ra, nhằm bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa, ngày 24-10-2018, tỉnh ban hành Quyết định số 2335/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực Phủ Dầy. Theo đó, Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực Phủ Dầy có thời hạn quy hoạch đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (V.T, 2019).

- *Người dân địa phương*

Sự tham gia của người dân địa phương là yếu tố cốt lõi trong bảo tồn và phát huy Kagura. Qua các lớp học và hoạt động cộng đồng, Kagura

không chỉ được gìn giữ mà còn trở thành một phần của đời sống sinh hoạt văn hóa hàng ngày. Trung tâm Kagura ở thành phố Akitakata, tỉnh Hiroshima là một trong những trung tâm đào tạo múa Kagura lớn nhất Nhật Bản. Liên hiệp các nhóm múa Kagura ở tỉnh Shimane là một tổ chức tập hợp các nhóm múa Kagura trên toàn tỉnh. Liên hiệp tổ chức các buổi biểu diễn Kagura, các lớp học dạy múa Kagura,... nhằm quảng bá và phát triển nghệ thuật múa Kagura. Chỉ riêng trong tỉnh Hiroshima đã có hơn 200 đoàn kịch Kagura với hơn 2.000 thành viên (Hiệp hội các nhà điều hành doanh nghiệp Hiroshima, Ủy ban xúc tiến văn hóa, 2019). Có hơn 130 nhóm thực hiện Nghi lễ kagura ở vùng Lwami luyện tập hàng ngày và tích cực biểu diễn tại các lễ hội đền thờ và các địa điểm khác. Những người sống trong vùng là những người có trách nhiệm tiếp tục truyền thống này, từ trẻ em mầm non đến những người cao tuổi ở độ tuổi 70, 80, tất cả đều tham gia tiếp nối truyền thống, thực hành hàng ngày (Hiệp hội du lịch thành phố Hamada, n.d). Các đoàn Kagura siêng năng tập đều đặn, ít nhất mỗi tuần một lần tại các chùa ở mỗi vùng. Nhóm có trung bình khoảng 15 thành viên, hầu hết là nam giới và ở nhiều lứa tuổi khác nhau. Đó là một cộng đồng địa phương bao gồm những thành viên thực hành Nghi lễ múa Kagura từ khi còn nhỏ và họ có niềm khao khát mãnh liệt được truyền lại nghệ thuật biểu diễn truyền thống địa

phương. Điều này đảm bảo rằng những giá trị văn hóa đặc thù sẽ không bị phai nhạt trong quá trình hiện đại hóa.

Người dân địa phương ở Nam Định, với vai trò là chủ thể của di sản đã đóng góp tích cực vào quá trình bảo tồn và phát triển di sản thông qua việc tham gia trực tiếp vào các hoạt động diễn xướng. Ban quản lý các khu di tích, phần lớn là các đại diện cư dân địa phương đã thực hiện hiệu quả công tác bảo dưỡng và duy trì cơ sở vật chất di sản. Ngoài ra, việc mở rộng và nâng cấp cơ sở hạ tầng như bãi đỗ xe và phương tiện vận chuyển đã tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch. Tính đến tháng 6/2019, ở Nam Định có tổng số 485 người trực tiếp tham gia thực hành nghi lễ Châu văn (hát văn - hầu đồng), trong đó, Hầu đồng có 246 người, chiếm 52,34%; cung văn có 245 người, chiếm 52,12%; sử dụng nhạc cụ có 162 người, chiếm 34,46% (Bùi Q.T, 2023). Các câu lạc bộ Châu Văn và Hầu đồng thường xuyên tổ chức tập luyện và giao lưu để giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa này.

- Khách du lịch

Tại Nhật Bản, khách du lịch không chỉ là người tiêu thụ sản phẩm văn hóa mà còn là cầu nối để quảng bá Kagura đến với thế giới. Các tour du lịch kết hợp giữa việc tham gia vào các buổi biểu diễn Kagura và những hoạt động văn hóa như trải nghiệm làm mặt nạ, trang phục truyền thống hay học các bước múa Kagura đang

trở thành điểm nhấn thu hút du khách. Điều này giúp khách du lịch có cái nhìn sâu sắc hơn về loại hình nghệ thuật này, đồng thời cảm nhận được sự gắn kết với cộng đồng địa phương. Không chỉ phục vụ du khách trong nước, Nhật Bản còn đẩy mạnh thu hút du khách nước ngoài bằng cách in một cuốn sách nhỏ đa ngôn ngữ gồm tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn và tiếng Nhật, đem trưng bày trước khi diễn xướng Kagura, giúp cho du khách dễ dàng hiểu hơn về nghi lễ này trước khi đắm chìm vào không gian của thần thoại. Nội dung của các vở diễn đều dựa trên truyền thuyết và thần thoại Nhật Bản như câu chuyện về thần Takemikazuchi – vị thần sấm sét và kiếm tiêu diệt Oni (quỷ dữ). Những câu chuyện được trình diễn có cốt truyện đơn giản, thường bao gồm sự đối đầu của anh hùng – kẻ phản diện, vị thần – ác quỷ, người tốt – kẻ xấu. Ngoài các câu chuyện thiện, phạt, ác dễ hiểu, các câu chuyện khác còn có lời thoại có phụ đề tiếng Anh, đem lại sự hào hứng và hiểu sâu hơn cho du khách nước ngoài.

Ở Việt Nam, khách du lịch tham gia tương đối hạn chế trong các cơ hội trải nghiệm di sản, nếu bản thân họ không thuộc cộng đồng tín ngưỡng liên quan (tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt). Thực trạng này dẫn đến hai hệ quả đáng lưu ý. Thứ nhất, cơ hội để du khách đóng góp vào việc quảng bá các sản phẩm và dịch vụ du lịch liên quan đến nghi lễ Hầu đồng còn rất hạn chế. Hệ quả là thông tin

về loại hình du lịch đặc sắc này trở nên sơ sài và thiếu chính xác. Thêm vào đó, khách du lịch sẽ có sự ngần ngại nhất định khi chọn mua (trả tiền) các dịch vụ có thể đem đến cho họ cơ hội trải nghiệm sâu sắc hơn.

- Doanh nghiệp du lịch

Vai trò của doanh nghiệp du lịch trong trường hợp Nhật Bản được thể hiện khá rõ nét. Họ linh hoạt thiết kế các sản phẩm kết hợp giữa du lịch trải nghiệm và văn hóa. Các tour du lịch được cá nhân hóa, kết hợp với việc gia tăng cơ hội cho khách du lịch được tham gia trực tiếp vào các buổi biểu diễn Kagura đã giúp tạo nên sự khác biệt và đa dạng trong ngành du lịch văn hóa Nhật Bản.

Với Việt Nam hiện khó tìm thấy minh chứng về việc các doanh nghiệp du lịch, dù giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển sản phẩm du lịch và quảng bá di sản, chủ động kiến tạo sản phẩm và kinh doanh sản phẩm du lịch độc đáo này. Đây vẫn là một hướng đi khó và thường không hấp dẫn với nhiều doanh nghiệp du lịch – lữ hành ở Việt Nam, ngay cả với các doanh nghiệp tại địa phương có di sản. Tuy nhiên, các doanh nghiệp trong tỉnh đã chủ động quảng bá tiềm năng sản phẩm, dịch vụ qua các kênh truyền thông như tờ rơi, tập gấp, mạng xã hội...

- Báo chí và truyền thông

Báo chí và truyền thông đóng vai trò không thể thiếu trong việc lan tỏa giá trị của Kagura. Các bộ phim tài liệu,

phóng sự và các chương trình phát sóng trực tiếp, workshop, sự kiện giới thiệu đã đưa Kagura đến với công chúng trong nước và quốc tế, từ đó tạo ra sự quan tâm và hấp dẫn du khách. Điều này không chỉ giúp tăng cường quảng bá mà còn góp phần bảo tồn và phát huy di sản văn hóa này trong bối cảnh toàn cầu hóa. Các tỉnh thành của Nhật Bản cũng có những hoạt động nhằm quảng bá Kagura như một tài nguyên du lịch. Tại thành phố Buzen, tỉnh Fukuoka ngoài việc thực hiện nghi lễ tại các đền thờ trong thành phố từ tháng 9 đến tháng 12 hàng năm, các buổi biểu diễn thường xuyên được tổ chức tại các trạm ven đường và công chúng cũng có thể tự do quan sát các buổi lễ tại các đền thờ (Miyake, 2012). Các chiến lược xúc tiến du lịch được xây dựng theo từng địa phương, tập trung vào việc tạo ra các sản phẩm du lịch đặc thù và khai thác diễn xướng Kagura như một tài sản văn hóa độc đáo, có thể cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Những nỗ lực này không chỉ đóng góp vào sự phát triển kinh tế mà còn góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của Nhật Bản.

Nam Định đã và đang đẩy mạnh công tác tuyên truyền và quảng bá diễn xướng Hầu đồng qua nhiều phương tiện như tổ chức họp báo, triển lãm tín ngưỡng thờ Mẫu và sản xuất ấn phẩm văn hóa. Tỉnh cũng thực hiện chương trình số hóa di sản văn hóa giai đoạn 2021-2030, với mục tiêu xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản trên nền

tảng công nghệ số. Tuy nhiên, hoạt động quảng bá du lịch còn hạn chế do kinh phí thấp và đội ngũ cán bộ còn mỏng, dẫn đến chưa tạo được sức hấp dẫn lớn đối với du khách. Bên cạnh những đóng góp tích cực, truyền thông, đặc biệt là truyền thông mạng xã hội, cũng đặt ra những thách thức không nhỏ đối với việc phát triển du lịch dựa trên diễn xướng Hầu đồng. Việc thiếu hiểu biết về bản chất của nghi lễ tâm linh đã dẫn đến nhiều ý kiến trái chiều, thậm chí tiêu cực trên mạng xã hội. Một số người dùng mạng, kể cả một số thanh đồng, đã không phân biệt rõ giữa thực hành tâm linh và diễn xướng văn hóa phục vụ du lịch, dẫn đến những hiểu lầm và tranh cãi không đáng có. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến hình ảnh của Hầu đồng mà còn gây khó khăn cho việc xây dựng chính sách và phát triển sản phẩm du lịch.

6. BÀN LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Diễn xướng Hầu đồng ở Việt Nam và diễn xướng Kagura ở Nhật Bản đều là những di sản văn hóa quý báu, mang đậm bản sắc dân tộc và có tiềm năng lớn trong phát triển du lịch. Nhật Bản đã khá thành công trong việc kết hợp bảo tồn di sản văn hóa với phát triển du lịch, tạo ra một mô hình khá bền vững và mang lại lợi ích kinh tế - xã hội nhờ vào sự đầu tư bài bản vào nghiên cứu, xây dựng hệ thống quản lý chặt chẽ và đặc biệt là sự tham gia tích cực của cộng đồng.

Về mặt chính sách, Nhật Bản đã có một hệ thống chính sách khá rõ ràng,

linh hoạt và khuyến khích sự phát triển của du lịch văn hóa tâm linh, trong đó có Diễn xướng Kagura. Các quy định pháp luật được xây dựng một cách khoa học, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động biểu diễn, đồng thời bảo vệ giá trị di sản. Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có văn bản số 618 ngày 12/2/2018 gửi các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh thành về việc chấn chỉnh hoạt động Hầu đồng trong thực hành di sản Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt, theo đó quy định chỉ tổ chức Hầu đồng ở những nơi có điện thờ Mẫu hoặc di tích thờ Mẫu, không tổ chức nghi lễ Hầu đồng ở khu vực công cộng với tính chất một loại hình dịch vụ du lịch hay ca nhạc đường phố. Điều này nhằm bảo tồn di sản văn hóa nhưng phần nào đã đặt ra những rào cản nhất định đối với việc phát triển du lịch gắn với diễn xướng Hầu đồng. Mặc dù mục tiêu của chính sách là bảo vệ giá trị văn hóa và ngăn chặn những biến tướng tiêu cực, nhưng cách hiểu và áp dụng chính sách này ở các địa phương khác nhau lại không đồng nhất, dẫn đến tình trạng cứng nhắc và thiếu linh hoạt. Điều này cũng dẫn đến việc thực hiện Luật Di sản văn hóa 2009, theo đó quy định rõ việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phải đi đôi với việc phát triển kinh tế - xã hội, có những thách thức.

Về mặt truyền thông, truyền thông Nhật Bản đóng vai trò quan trọng trong việc quảng bá Kagura đến với

công chúng trong nước và quốc tế, tạo ra hình ảnh tích cực và thu hút du khách. Các phương tiện truyền thông đa dạng như phim tài liệu, phóng sự, mạng xã hội đã được tận dụng để giới thiệu về lịch sử, ý nghĩa và vẻ đẹp của Kagura. Trong khi đó, truyền thông Việt Nam, đặc biệt là truyền thông mạng xã hội, còn nhiều thông tin chưa chính xác, gây hiểu lầm về Hầu đồng. Điều này đã tạo ra những cuộc tranh cãi không đáng có và ảnh hưởng đến hình ảnh của di sản văn hóa này.

Về phương pháp triển khai, Nhật Bản đã tạo ra nhiều sản phẩm du lịch đa dạng, từ các lễ hội truyền thống đến các trải nghiệm văn hóa tương tác. Điều này không chỉ giúp bảo tồn Kagura mà còn tạo ra nguồn thu nhập ổn định cho cộng đồng. Trong khi đó, Việt Nam mới chỉ khai thác một phần tiềm năng của Hầu đồng trong du lịch, rất dè dặt, chủ yếu tập trung vào các buổi biểu diễn đơn lẻ, chưa thể cấu thành đặc tính sản phẩm, dịch vụ du lịch.

Cuối cùng là vai trò của cộng đồng. Ở Nhật Bản, cộng đồng địa phương có vai trò rất quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy Kagura. Người dân tham gia trực tiếp vào các hoạt động bảo tồn, truyền dạy và biểu diễn, tạo ra một sự gắn kết chặt chẽ giữa di sản và cộng đồng. Ở Việt Nam, sự tham gia của cộng đồng dẫu rất nồng nhiệt với di sản (đặc biệt là nhóm có tín ngưỡng) nhưng lại rất hạn chế trong “phát huy” di sản gắn với du lịch, đặc biệt là ở thế hệ trẻ; còn nhiều quan

niệm thiếu cởi mở trong việc tạo cơ hội cho di sản được tiếp cận rộng hơn với các nhóm công chúng không có tín ngưỡng.

Kết hợp bảo tồn, gìn giữ di sản văn hóa với phát triển du lịch không chỉ đúng về mặt lý thuyết phổ quát mà còn có nhiều điều kiện khả thi trong thực tiễn. Tuy nhiên, để thành công, cần có sự đầu tư bài bản, sự tham gia tích cực của cộng đồng và một chiến lược phát triển phù hợp trong dài hạn. Đặc biệt, một trong những thách thức lớn nhất là việc khai thác di sản văn hóa tâm linh cần phải được thực hiện một cách cẩn trọng, tránh thương mại hóa quá mức có thể phương hại đến tính nguyên bản và giá trị thiêng liêng của di sản.

Từ kinh nghiệm của Nhật Bản, để giải quyết vấn đề này, cơ quan quản lý nhà nước của Việt Nam cần tăng cường các biện pháp quản lý để ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi trục lợi từ niềm tin tín ngưỡng; kiểm soát chặt chẽ các hiện tượng sai lệch trong thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, đảm bảo rằng các giá trị văn hóa gốc không bị biến dạng. Việc xây dựng một bộ hướng dẫn (tài liệu) chi tiết, cụ thể và minh bạch về cách thức thực hiện nghi lễ là điều cấp thiết; giúp các thanh đồng, cung văn và người tham gia có thể tham khảo và thực hành đúng cách. Không chỉ vậy, nó còn góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng về việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Việc xây dựng và phổ biến những hướng dẫn này cần sự

đóng góp ý kiến của các chuyên gia, nhà nghiên cứu, các ban tế tự và cả cộng đồng tín ngưỡng.

Một khuyến nghị quan trọng là cần xây dựng khu vực biểu diễn chuyên biệt cho nghi lễ Hầu đồng, kết hợp với không gian trưng bày các sản phẩm văn hóa liên quan. Điều này không chỉ tạo ra trải nghiệm sâu sắc hơn cho du khách mà còn góp phần duy trì và quảng bá di sản văn hóa một cách nghiêm túc và có trách nhiệm, tránh việc tùy tiện chọn không gian biểu diễn. Việc tổ chức các sự kiện văn hóa định kỳ, các chương trình giao lưu văn hóa giữa các địa phương cũng giúp nâng cao nhận thức về giá trị văn hóa của nghi lễ Hầu đồng, thu hút du khách trong và ngoài nước.

Bên cạnh đó, việc tăng cường công tác truyền thông, giáo dục cũng rất cần thiết. Cần có những chương trình truyền thông đa dạng, hấp dẫn để nâng cao nhận thức của cộng đồng về giá trị văn hóa của Hầu đồng, đồng thời giúp mọi người phân biệt thực hành tín ngưỡng chân chính và những hành vi lợi dụng tín ngưỡng để trục lợi. Đặc biệt, cần tăng cường sử dụng đúng và hiệu quả các công nghệ thông tin và truyền thông trên mạng xã hội; khuyến khích các chuyên gia, người có uy tín trong cộng đồng tham gia vào việc chia sẻ thông tin chính xác, góp phần định hình dư luận xã hội một cách tích cực. Thông tin không đầy đủ hoặc thiếu vắng các dữ liệu đáng tin cậy về mức độ, sự năng động và đặc tính của các dòng du lịch,

đặc biệt là du lịch văn hóa tâm linh, sẽ là những hạn chế lớn cho sự phát triển của các chiến lược phát triển du lịch.

Ngành văn hóa - du lịch cần phối hợp với chính quyền địa phương và Ban quản lý di tích trong việc tổ chức, quản lý các điểm du lịch gắn với di sản. Trên cơ sở đánh giá giá trị văn hóa và di tích, ngành định hướng cho các công ty du lịch xây dựng các sản phẩm du lịch đặc thù; kết hợp hoạt động du lịch tâm linh với các loại hình du lịch văn hóa và du lịch khác như nghỉ dưỡng, mạo hiểm...

7. KẾT LUẬN

Nghiên cứu làm rõ tính hợp lý của việc kết hợp bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể với các chiến lược phát triển du lịch bền vững, cung cấp cho các nhà hoạch định chính sách và quản lý du lịch những nhận thức cần

thiết về tiềm năng này. Tuy nhiên, để hiện thực hóa tiềm năng, cần có các chính sách và biện pháp cụ thể, phù hợp với từng địa phương và loại hình di sản. Tiếp cận các bên liên quan là tiếp cận phù hợp, phổ biến, cùng đối sánh trường hợp tương tự tại Nhật Bản để có cái nhìn rõ hơn về trường hợp của Việt Nam.

Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn có một số hạn chế: chưa được đánh giá toàn diện mối liên hệ giữa diễn xướng nghi lễ tâm linh và du lịch, nhất là về tác động lâu dài đối với cộng đồng và môi trường văn hóa; chỉ tập trung vào hai nghi lễ Hàu đồng và Kagura. cũng giới hạn phạm vi. Do đó, trong thời gian tới cần có các nghiên cứu so sánh mở rộng ở nhiều nghi lễ tâm linh khác tại châu Á để đưa ra cái nhìn tổng thể hơn về tác động của các diễn xướng này đối với phát triển du lịch. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Beeman, William O. 1993. The Anthropology of Theater and Spectacle. Annual Review of Anthropology, 22(2), 369-393 <https://doi.org/10.1146/annurev.an.22.100193.002101>, truy cập ngày 25/5/2024.
2. Bell, Catherine. 1997. *Ritual: Perspectives and Dimensions*. Oxford University Press.
3. Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng, Giao thông và Du lịch, Cục Vận tải vùng Chugoku. 2020. “Báo cáo nghiên cứu đánh giá và tiềm năng của Kagura vùng Chugoku với tư cách là tài nguyên du lịch vùng đô thị Tokyo” Về kế hoạch kinh doanh năm 2020. <https://www.tb.mlit.go.jp/chugoku/kankou/kagurahoukokusho.pdf>, truy cập ngày 25/5/2024.
4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 2018. *Công văn 618/BVHTTDL-DSVH*. <https://thuvienphapluat.vn/cong-van/Van-hoa-Xa-hoi/Cong-van-618-BVHTTDL-DSVH-2018-di-san-Thuc-hanh-Tin-nguong-Tho-Mau-Tam-phu-400336.aspx>, truy cập ngày 24/10/2024.
5. Bùi Q.T. 2023. “Vai trò của cộng đồng trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản thờ Mẫu Tam/Tứ phủ ở tỉnh Nam Định”. <http://vanhoanghethuat.vn/vai-tro-cua-cong-dong-trong-bao-ve-va-phat-huy-gia-tri-di-san-tho-mau-tamtu-phu-o-tinh-nam-dinh.htm>

6. Graburn. 2004. "Secular ritual: A General Theory of Tourism". *Tourists and Tourism: A Reader*, 23-34.
7. Grimes, Ronald. 2014. *The Craft of Ritual Studies*. Oxford University Press. <https://doi.org/10.1093/acprof:oso/9780195301427.001.0001>
8. Hiệp hội Điều hành doanh nghiệp Hiroshima, Ủy ban Xúc tiến văn hóa. 2019. "Về việc tạo ra sự sống động cho thị trấn bằng cách sử dụng Hiroshima Kagura". https://www.hirodoyu.com/archives/proposal/2019/201903_06.pdf, truy cập ngày 25/5/2024.
9. Hiệp hội Du lịch thành phố Hamada. 2024. https://kankou-hamada.or.jp/content/pamphlet/pdf/2024/iwamikagura_2024.pdf, truy cập ngày 25/5/2025.
10. Hiệp hội Du lịch thị trấn Takachiho. 2024. *Giới thiệu Kagura đêm ở Takachiho*. <https://takachiho-kanko.info/kagura/>, truy cập ngày 25/5/2024
11. Irit Averbuch. 1988. "Shamanic Dance in Japan: The Choreography of Possession in Kagura Performance". *Asian Folklore Studies*, 293-329.
12. Liên đoàn Du lịch tỉnh Shimane. 2020. "Về kế hoạch kinh doanh năm 2020". https://www.kankou-shimane.com/renmei/wpcontent/uploads/sites/15/2024/04/r6_shimane_kankourenmei_jigyokeikaku.pdf, truy cập ngày 25/5/2024.
13. Liên đoàn Du lịch tỉnh Shimane. 2024. "Trải nghiệm nghệ thuật biểu diễn truyền thống "Iwami Kagura" của Shimane!". <https://www.kankou-shimane.com/pickup/37823.html>, truy cập ngày 25/5/2024
14. Lương Ngọc Tâm. 2017. "Hình thức diễn xướng trong Hò Khoan Lệ Thủy". *Tạp chí Văn hóa Quảng Bình*.
15. Miyake, Kitakyushu Kazunari. 2012. "Kagura đóng góp cho sự phát triển của thành phố Fukuoka/Buzen". <https://reskill.nikkei.com/article/dgxdzo47323170w2a011c1e1p01/?page=2>, truy cập ngày 25/5/2024.
16. Ngô Đức Thịnh (chủ biên). 2013. *Văn hóa thờ nữ thần - Mẫu ở Việt Nam và Châu Á*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
17. Ngô Đức Thịnh. 2010. "Mấy nhận thức chung về đạo Mẫu Việt Nam", trong *Phủ Quảng Cung trong hệ thống đạo Mẫu Việt Nam* (tr. 16-26). Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.
18. Nguyễn. 2021. "Nghệ thuật diễn xướng dân gian trong phát triển du lịch cộng đồng: Một nghiên cứu xuyên ngành tại tháp bà Ponagar - Nha Trang". *Tạp chí khoa học Đại học Thủ Dầu Một*, số 1(50)-2021. <https://doi.org/10.37550/tdmu.VJS/2021.01.156>, truy cập ngày 25/5/2024.
19. Nguyễn T.S.L., Lê, L. A., Nguyễn, N.L. 2020. "Khai thác giá trị của thực hành Then trong phát triển du lịch từ kinh nghiệm một số loại hình diễn xướng dân gian". <https://jst.tnu.edu.vn/jst/article/view/3409/pdf>, truy cập ngày 25/5/2024.
20. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. 2009. *Luật Di sản văn hóa 2009*. Hà Nội.
21. Richards, G. 1996. *Cultural Tourism in Europe*. CABI, Wallingford.
22. Richard Schechner. 2002. *Performance Studies An Introduction*. Routledge.
23. Smith, Melanie K. 2009. *Issues in Cultural Tourism Studies*. Taylor & Francis.
24. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Nam Định. 2023. "Nam Định: Sẵn sàng cho mùa du lịch mới". <https://diendandoanhnghep.vn/nam-dinh-san-sang-cho-mua-du-lich->

moi-243206.html#:~:text=Theo%20l%C3%A3nh%20%C4%91%E1%BA%A1o%20S%E1%BB%9F%20V%C4%83n,v%E1%BB%9Bi%20c%C3%B9ng%20k%E1%BB%B3%20n%C4%83m%202021.

25. Timothy và Boyd. 2003. “Development of Cultural Heritage Tourism: Issues and Challenges”.

https://www.academia.edu/89162648/Development_of_Cultural_Heritage_Tourism_Issues_and_Challenges, truy cập ngày 15/5/2024.

26. Trần Hải Minh. 2018. *Biến đổi của diễn xướng nghi lễ Lên đồng (Qua nghiên cứu trường hợp tỉnh Nam Định)* Luận án. Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

27. Turner, Victor. 1982. *From Ritual to Theatre: The Human Seriousness of Play*.

28. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định. 2018. *Quyết định số 2335/QĐ-UBND* phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực Phủ Dầy.

29. Ủy ban Xúc tiến văn hóa tỉnh Hiroshima. 2019. “Chia sẻ về lối sống thành phố Akitakada”. https://www.akitakata.jp/akitakata-media/filer_public/c8/03/c803110c-4747-4d33-aa80-cc6522b8cdf/aki-takadashi-_p001-027_aki-takadashi-gaido-.pdf, truy cập ngày 25/5/2024.

30. V.T. 2019. “Bảo tồn, chống xâm hại di tích - Kết quả và vấn đề đặt ra”. <https://baonamdinh.vn/channel/5086/201907/bao-ton-chong-xam-hai-di-tich-ket-qua-va-van-de-dat-ra-2532120/>, truy cập ngày 15/5/2024.

31. Yamamoto. Kenta. 2015. “Điều nhảy tâm linh có tiềm năng trở thành một điểm thu hút của địa phương”. <https://www.kokugakuin.ac.jp/article/11278>, truy cập ngày 25/5/2024.